

Bản án số: 96/2018/HSST
Ngày 16 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Tuấn.

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trường THCS Trần Phú, Quận 10, TP.HCM.

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Nghề nghiệp: Công chức, Phó Trưởng Phòng.

Nơi công tác: Phòng Lao động, thương binh & xã hội Quận 10, TP.HCM.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82.1/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/Trương Hoàng Khánh D; sinh ngày: 30/3/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn H và bà: Nguyễn Thị Cẩm V; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 04/6/2018; bị tạm giữ ngày: 05/6/2018; bị tạm giam ngày: 08/6/2018.

2/Lương Ngọc Q; sinh ngày: 10/02/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: đường A, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở:/(sống lang thang); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: /(không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn N và bà: Phạm Kim C (cha và mẹ của bị cáo đã bỏ rơi bị cáo khi còn

nhỏ, hiện không xác định cha mẹ ở đâu); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 04/6/2018; bị tạm giữ ngày: 05/6/2018; bị tạm giam ngày: 08/6/2018.

(Các bị cáo có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Hoàng Khánh D:*

Ông Trương Văn H – Sinh năm:1965 (có mặt).

Trú tại: đường P, Phường X, Quận Y, TP.HCM.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Hoàng Khánh D:*

Ông Nguyễn Văn Hạnh –Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại:*

Ông Phạm Đình T – Sinh năm:1987 (vắng mặt).

Trú tại: đường C, phường H, quận Đ, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị Cẩm V – Sinh năm: 1970 (có mặt).

Trú tại: đường P, Phường X, Quận Y, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 04/6/2018, Trương Hoàng Khánh D điều khiển xe mô tô biển số 59U1-287.37 chở Lương Ngọc Q đến công viên Lê Thị Riêng – địa chỉ: 857 CMT8, Phường 15, Quận 10 để tìm bạn. Lúc này, cả hai nhìn thấy anh Phạm Đình T ngồi trên xe mô tô (xe đang dừng) và sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng; D liền rủ Q giật điện thoại của anh T, Q đồng ý; D điều khiển xe áp sát bên trái anh T để Q ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại. Sau đó, D tăng ga xe chở Q chạy về hướng đường Trường Sơn thì bị lực lượng trinh sát PC 02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Công an Quận 10 truy đuổi liên tục đến cổng Bệnh viện Bưu Điện – địa chỉ: MM12 đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10 thì bắt giữ được D, Q cùng vật chứng, phương tiện; giải giao đến Công an Phường 15, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng; cơ quan Công an đã thu hồi và giao trả lại cho bị hại là anh Phạm Đình T, anh T nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 quyết định khởi tố điều tra đối với Trương Hoàng Khánh D, Lương Ngọc Q về hành vi “Cướp giật tài sản”.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Future biển số 59U1-287.37; qua xác minh, được biết xe mô tô biển số 59U1-287.37 do bà Nguyễn Thị Cẩm V (là mẹ ruột của D) là chủ sở hữu hợp pháp. Việc D sử dụng chiếc xe để thực hiện trên,

bà V không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 trả lại chiếc xe cho bà V.

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Trương Hoàng Khánh D, Lương Ngọc Q về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Trương Hoàng Khánh D, Lương Ngọc Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại) và bản thân bị cáo Trương Hoàng Khánh D là dưới 18 tuổi phạm tội; đã đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Trương Hoàng Khánh D: từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, Lương Ngọc Q: từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trương Hoàng Khánh D: thống nhất về việc truy tố và xét xử bị cáo về tội danh cũng như khung hình phạt như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã nêu; ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo D như: bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, là người dưới 18 tuổi phạm tội, nên cũng ảnh hưởng phần nào đến việc nhận thức của bị cáo; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 91 Bộ luật hình sự để xem xét khoan hồng, xử bị cáo mức án thích hợp và ngắn nhất.

- Ý kiến của bị cáo D: không có ý kiến gì bổ sung đối với nội dung lời bào chữa của người bào chữa.

- Ý kiến của bị cáo Q: không có ý kiến gì tranh luận.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp: xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trương Hoàng Khánh D, Lương Ngọc Q và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Trương Hoàng Khánh D, Lương Ngọc Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Các bị cáo đã có hành vi thống nhất ý chí hành động dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai chiếm đoạt tài sản của bị hại ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo D là người khởi xướng, cung cấp phương tiện, điều khiển xe chở đồng bọn cướp giật và tẩu thoát; còn bị cáo Q là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Do vậy dù có chiều cố đến đâu đi nữa, thì hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết

phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: tuy nhiên xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo Q có hoàn cảnh đáng thương (bị cáo thiếu tình thương, chăm sóc của cha mẹ do cha và mẹ của bị cáo đã bỏ rơi bị cáo từ rất nhỏ, bị cáo hiện sống lang thang); ngoài ra bị cáo D là người dưới 18 tuổi phạm tội; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo và lượng hình đối với bị cáo D; đồng thời áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với trường hợp của các bị cáo. Đồng thời không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D và miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Q.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Trương Hoàng Khánh D, Lương Ngọc Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 50; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương Hoàng Khánh D;

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng Khánh D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2018.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lương Ngọc Q;

Xử phạt bị cáo Lương Ngọc Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2018.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Q.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo D chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.
- Bị cáo Q chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10;
- PV06-CATP.HCM;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Triệu Luật